

**GIỚI THIỆU NỘI DUNG CỦA
LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT LÝ LỊCH TƯ PHÁP**

Ngày 10/12/2025, Quốc hội đã thông qua của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật lý lịch tư pháp số 107/2025/QH15 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026. Luật số 107/2025/QH15 được ban hành có những nội dung cơ bản như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Về cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đã xác định nhiệm vụ: “*Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính gắn kết chặt chẽ với việc kiện toàn tổ chức, giảm đầu mối, bỏ cấp trung gian, tinh giản biên chế của các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, chuyên nghiệp, phục vụ nhân dân*”.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị Trung ương lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới tiếp tục cụ thể hóa tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đến năm 2030, định hướng đến năm 2045, trong đó xác định nhiệm vụ “*Tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật trên tất cả các lĩnh vực, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc, khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững của đất nước*”.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, theo đó xác

định nhiệm vụ “*Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị...*”.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trong đó một trong các nhiệm vụ là “*khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền...*”

- Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, theo đó một trong các nhiệm vụ là “*đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp*”.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, trong đó quy định rõ “*Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước*”.

- Nghị quyết số 77/2025/UBTVQH15 ngày 21/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2025 trong đó bổ sung vào Chương trình lập pháp năm 2025 trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại Kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2025) đối với dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lý lịch tư pháp (theo trình tự, thủ tục rút gọn).

- Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an, trong đó bổ sung nhiệm vụ quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp và thực hiện dịch vụ công cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “*Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*” xác định chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính phủ điện tử, hướng đến Chính phủ số, trong đó tập trung phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan nhà nước một cách tập trung, thông suốt...; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên thiết bị di động thông minh để người dân, doanh nghiệp có trải nghiệm tốt nhất về dịch vụ, nhanh chóng, chính xác, không giấy tờ, giảm chi phí.

- Thông báo Kết luận số 04/TB-BCĐTKNQ18 ngày 12/01/2025 của Ban Chỉ đạo Chính phủ tại phiên họp thứ 9 thống nhất điều chuyển một số nhiệm vụ của các Bộ, ngành về Bộ Công an, trong đó có nhiệm vụ quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp và thực hiện dịch vụ công cấp Phiếu lý lịch tư pháp từ Bộ Tư pháp về Bộ Công an.

2. Về cơ sở thực tiễn

Qua 15 năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp do Bộ Tư pháp chủ trì và có sự phối hợp tích cực, hiệu quả từ Bộ Công an và một số Bộ, ngành có liên quan đã thu được nhiều kết quả đáng ghi nhận, nhận thức của xã hội về ý nghĩa, giá trị của Phiếu lý lịch tư pháp ngày càng được nâng lên; Phiếu lý lịch tư pháp trở thành công cụ pháp lý quan trọng trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội góp phần bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân trong việc chứng minh nhân thân tư pháp của bản thân khi tham gia vào các quan hệ pháp lý, dân sự. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, quá trình thi hành cho thấy nhiều nội dung không còn phù hợp cần được sửa đổi, bổ sung đảm bảo phù hợp với tình hình kinh tế xã hội và sự phát triển của đất nước trong giai đoạn hiện nay như:

- Một số nội dung của Luật Lý lịch tư pháp có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2010, chưa cập nhật được những nội dung mới về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cũng như những quy định mới về đảm bảo quyền con người, quyền công dân theo Hiến pháp năm 2013, đồng thời Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Thi hành án hình sự đều đã được ban hành mới dẫn đến một số quy định của Luật Lý lịch tư pháp đã không còn phù hợp, thiếu đồng bộ gây khó

khẩn trong thực tiễn thi hành như chưa bảo đảm thực hiện chế định về đương nhiên được xóa án tích.

- Quy định của Luật Lý lịch tư pháp về mô hình quản lý Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp theo hai cấp đã bộc lộ bất cập, phân tán, chưa tập trung, thống nhất, trùng lặp về thông tin gây lãng phí nguồn lực. Các cơ quan khi cung cấp thông tin chưa được thực hiện qua đường điện tử mà chủ yếu bằng văn bản giấy nên vẫn còn xảy ra tình trạng thiếu thông tin hoặc kéo dài thời gian xác minh, thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

- Quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 đang bị lạm dụng có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây. Luật Lý lịch tư pháp quy định có hai loại Phiếu lý lịch tư pháp là Phiếu lý lịch tư pháp số 1 và Phiếu lý lịch tư pháp số 2. Khác với Phiếu lý lịch tư pháp số 1, Phiếu lý lịch tư pháp số 2 thể hiện cả án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa phục vụ cơ quan tiến hành tố tụng trong công tác điều tra, truy tố, xét xử và cấp theo yêu cầu của cá nhân để người đó biết được thông tin án tích của mình. Thực tiễn cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho thấy, cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 không xuất phát từ nhu cầu muốn biết thông tin lý lịch tư pháp của mình mà từ yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, chủ yếu để bổ sung hồ sơ xin thị thực nhập cảnh, kết hôn, xuất khẩu lao động, xin việc làm... Thực trạng này đã ảnh hưởng tới quyền được pháp luật bảo đảm bí mật cá nhân theo Hiến pháp năm 2013 và chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự của Nhà nước ta, ảnh hưởng tới việc tái hòa nhập cộng đồng của người bị kết án, đặc biệt là những người được xóa án tích.

- Thủ tục hành chính, phương thức nộp hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp, trả kết quả cấp Phiếu lý lịch tư pháp còn chưa thuận lợi cho người dân theo hướng cải cách hành chính phục vụ người dân, chỉ phù hợp với phương thức trực tiếp. Quy định của pháp luật còn gây lúng túng cho cơ quan giải quyết yêu cầu khi pháp luật khác có liên quan đã có nhiều quy định pháp luật mới, tiến bộ về phương thức giải quyết thủ tục hành chính theo hướng trên môi trường điện tử, rút ngắn thời gian và giảm giấy tờ.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích

Xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật lý lịch tư pháp năm 2009 nhằm hiện thực hóa quan điểm của Đảng, nhà nước về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; hoàn thiện hành lang pháp lý trong công tác quản lý và cấp Phiếu lý lịch tư pháp trong tình hình mới; ứng dụng hiệu quả thành tựu khoa học, công nghệ trong quản lý Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp hướng tới xây dựng, quản lý, quản trị tập trung hệ thống Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, liên thông, đồng bộ với hệ thống dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và các cơ sở dữ liệu khác đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” trong hệ thống chính trị, xuyên suốt từ trung ương tới địa phương, khắc phục tình trạng phân tán hiện nay; cơ sở quan trọng triển khai thực hiện tiếp nhận yêu cầu, cấp Phiếu lý lịch tư pháp toàn trình trên môi trường điện tử, cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi để người dân thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi, không phân biệt địa giới hành chính góp phần thực hiện hiệu quả chủ trương đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số quốc gia, hội nhập quốc tế.

Trong thời gian tới, khi cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và thông tin liên quan đến lý lịch tư pháp đã được cập nhật đầy đủ, hoàn thiện bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” và kết nối toàn diện với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì cơ quan, tổ chức có thể khai thác các thông tin lý lịch tư pháp trong hệ thống định danh và xác thực điện tử hoặc cá nhân có thể tự mình xuất trình lý lịch tư pháp đã được xác thực qua ứng dụng định danh quốc gia để thực hiện dịch vụ công, giải quyết các thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, cơ quan, tổ chức.

2. Quan điểm xây dựng Luật

- Thể chế hóa quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm đồng bộ với quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

- Tiếp tục cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân, phù hợp với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Đáp ứng yêu cầu thực tiễn về phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, xây dựng Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tập trung, thống nhất, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính.

- Quy định cụ thể, bảo đảm tính minh bạch, tính kế thừa, phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan liên quan, đảm bảo khả thi trong thực tiễn thi hành.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

1. Bố cục của Luật

Luật số 107/2025/QH15 gồm 03 điều:

- Điều 1 gồm 23 khoản, sửa đổi, bổ sung 33/57 điều của Luật Lý lịch tư pháp năm 2009;

- Điều 2 quy định về hiệu lực thi hành;

- Điều 3 quy định về điều khoản chuyển tiếp.

2. Một số nội dung cơ bản sau:

- Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lý lịch tư pháp năm 2009 không chỉnh lý phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Luật Lý lịch tư pháp năm 2009:

“Luật này quy định về trình tự, thủ tục cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin lý lịch tư pháp; lập Lý lịch tư pháp; tổ chức và quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp; cấp Phiếu lý lịch tư pháp; quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp”.

- Về cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp

Luật quy định cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp gồm Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an và Công an tỉnh, thành phố.

- Về khái niệm Thông tin lý lịch tư pháp về án tích (điểm o khoản 22 Điều 1 sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 Luật Lý lịch tư pháp)

Luật bổ sung cụm từ “quyết định của bản án về biện pháp tư pháp” vào khoản 2 Điều 2 Luật Lý lịch tư pháp để phù hợp với quy định của Bộ luật Hình sự, cụ thể

như sau: “2. *Thông tin lý lịch tư pháp về án tích là thông tin về cá nhân người bị kết án; tội danh, điều khoản luật được áp dụng, hình phạt chính, hình phạt bổ sung, quyết định của bản án về biện pháp tư pháp, nghĩa vụ dân sự trong bản án hình sự, án phí; ngày, tháng, năm tuyên án, Tòa án đã tuyên bản án, số của bản án đã tuyên; tình trạng thi hành án*”.

- Về mục đích quản lý thông tin lý lịch tư pháp (khoản 2 Điều 1 sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 3 Luật Lý lịch tư pháp)

Mục đích quản lý thông tin lý lịch tư pháp, Phiếu lý lịch tư pháp nhằm giúp công dân biết về thông tin lý lịch tư pháp của mình để giải quyết thủ tục hành chính của cá nhân, đồng thời quy định rõ mục đích hỗ trợ công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức nhằm giảm thiểu tình trạng yêu cầu Phiếu lý lịch tư pháp trong công tác quản lý nhân sự.

- Về yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp; việc sử dụng Phiếu lý lịch tư pháp, thông tin lý lịch tư pháp (khoản 3 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 7 Luật Lý lịch tư pháp)

+ Về yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp

(1) Luật quy định “*Công dân Việt Nam, người nước ngoài đã hoặc đang cư trú tại Việt Nam từ đủ 16 tuổi trở lên có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp của mình*”. Như vậy, các trường hợp cá nhân từ đủ 16 tuổi trở lên được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp cấp cho mình cả 2 loại Phiếu lý lịch tư pháp.

Đối với các trường hợp cá nhân dưới 16 tuổi, theo quy định của Luật Tư pháp người chưa thành niên hiện hành thì “người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi” (điểm a khoản 1 Điều 127) bị kết án được coi là không có án tích, do đó đương nhiên sẽ không có lý lịch tư pháp. Để thống nhất giữa các quy định trong hệ thống pháp luật, Luật số 107/2025/QH15 không quy định việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho những cá nhân dưới 16 tuổi.

(2) Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu

lý lịch tư pháp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp (không được yêu cầu cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp), trong đó:

(1) Cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử được “*khai thác, sử dụng thông tin lý lịch tư pháp thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư*” (khoản 1 Điều 50b). Thông tin lý lịch tư pháp được cung cấp cho cơ quan tiến hành tố tụng gồm những nội dung của Phiếu lý lịch tư pháp số 2 (Điều 50a) và có giá trị như Phiếu lý lịch tư pháp (khoản 1 Điều 50b). Cơ quan tiến hành tố tụng không phải nộp phí khi yêu cầu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp (khoản 5 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 10 Luật Lý lịch tư pháp).

(2) Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp yêu cầu **cung cấp thông tin lý lịch tư pháp** để hỗ trợ công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức và hoạt động giải quyết thủ tục hành chính được “*khai thác, sử dụng thông tin lý lịch tư pháp thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư*” (khoản 1 Điều 50b). Thông tin lý lịch tư pháp được cung cấp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp gồm những nội dung của Phiếu lý lịch tư pháp số 1 (Điều 50a) và có giá trị như Phiếu lý lịch tư pháp (khoản 1 Điều 50b). Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp không phải nộp phí khi yêu cầu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp (khoản 5 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 10 Luật Lý lịch tư pháp).

+ Về sử dụng Phiếu lý lịch tư pháp, thông tin lý lịch tư pháp

(1) Luật quy định thông tin lý lịch tư pháp, Phiếu lý lịch tư pháp được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với dữ liệu cá nhân nhạy cảm. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được yêu cầu cá nhân cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2.

(2) Đối với Phiếu lý lịch tư pháp số 1: Luật quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân không được yêu cầu cá nhân cung cấp thông tin lý lịch tư pháp hoặc Phiếu lý lịch tư pháp số 1, trừ trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc nghị định, nghị quyết của Chính phủ quy định cần

sử dụng thông tin lý lịch tư pháp để phục vụ mục đích tuyển dụng, cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đối với các ngành nghề, vị trí việc làm có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, sức khỏe của cộng đồng hoặc để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cá nhân khi tham gia các giao dịch dân sự, thương mại liên quan trực tiếp đến các đối tượng yếu thế trong xã hội.

Như vậy, quy định của Luật nhằm hạn chế các cơ quan, tổ chức và cá nhân (đại diện các doanh nghiệp tư nhân hoặc cá nhân cụ thể) yêu cầu cá nhân (người lao động hoặc cá nhân khác) cung cấp thông tin lý lịch tư pháp hoặc Phiếu lý lịch tư pháp. Đồng thời, Luật cũng quy định mang tính chất “định khung” để một số trường hợp có thể yêu cầu cá nhân cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 và tính “nguyên tắc” trong xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định yêu cầu cá nhân cung cấp thông tin lý lịch tư pháp hoặc Phiếu lý lịch tư pháp.

- Về cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp (điểm b, khoản 1 và khoản 6 Điều 1 bổ sung khoản 4a Điều 2 và sửa đổi, bổ sung Điều 11 Luật Lý lịch tư pháp)

(1) Luật bổ sung quy định cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp bao gồm thông tin lý lịch tư pháp của cá nhân và các thông tin về số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu trong trường hợp không có số định danh cá nhân, họ, chữ đệm và tên khai sinh, tên gọi khác, ngày, tháng, năm sinh, giới tính...(điểm b, khoản 1 Điều 1 bổ sung vào sau khoản 4 Điều 2 Luật Lý lịch tư pháp). Các trường thông tin này được sửa đổi, bổ sung phù hợp với các trường thông tin theo quy định của Luật Căn cước, đảm bảo tính khả thi khi kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

(2) Luật quy định cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được xây dựng tập trung, thống nhất tại Bộ Công an; cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được kết nối, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu khác có liên quan theo quy định của pháp luật và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin đảm bảo đảm bảo an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, thuận lợi cho việc thu thập, cập nhật, điều chỉnh, khai thác và bảo đảm hoạt động ổn định, liên tục.

Nhằm bảo đảm nguồn thông tin lý lịch tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” phục vụ cấp Phiếu lý lịch tư pháp, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp và hiển thị thông tin lý lịch tư pháp trên VNeID, Luật quy định Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm thu thập, tạo lập, cập nhật cơ sở dữ liệu do mình quản lý và kết nối, chia sẻ đồng thời cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu là nguồn thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp (khoản 6 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 11 Luật Lý lịch tư pháp). Đối với những thông tin lý lịch tư pháp hình thành trước ngày Luật có hiệu lực thi hành (01/7/2026), Luật quy định các Bộ, ngành và cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an tổ chức kết nối, chia sẻ trước ngày 01/7/2026 để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp (Điều 3 Luật số 107/2025/QH15)

- Về Phiếu lý lịch tư pháp (khoản 17 và điểm o khoản 22 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 41 và điểm b khoản 2 Điều 43)

(1) Luật tiếp tục quy định duy trì 02 loại Phiếu là: Phiếu lý lịch tư pháp số 1 và Phiếu lý lịch tư pháp số 2 cho cá nhân; Phiếu được cấp dưới dạng bản điện tử hoặc bản giấy và có giá trị pháp lý như nhau. Trường hợp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp thì thông tin lý lịch tư pháp của công dân được cập nhật, hiển thị trên VNeID (được coi là một trường thông tin sẵn có tương tự như họ tên, ngày tháng năm sinh). Thông tin lý lịch tư pháp hiển thị trên VNeID có giá trị pháp lý như Phiếu lý lịch tư pháp, cá nhân không cần yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp khi có nhu cầu, từ đó tạo điều kiện thuận lợi tối đa để người dân thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi, mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội, người dân, doanh nghiệp và công tác quản lý nhà nước, tiết kiệm thời gian, công sức, tiền bạc, góp phần thực hiện hiệu quả chủ trương đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, hội nhập quốc tế. Thông tin lý lịch tư pháp hiển thị trên VNeID được áp dụng kỹ thuật công nghệ bảo mật, Phiếu điện tử được áp dụng cơ chế xác thực để bảo mật, chống làm giả. Cá nhân sử dụng thông tin lý lịch tư pháp hiển thị trên VNeID không phải nộp phí cung cấp thông tin (khoản 5 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 10 Luật Lý lịch tư pháp).

(2) Luật bổ sung cụm từ “quyết định của bản án về biện pháp tư pháp” tại điểm b khoản 2 Điều 43 quy định về nội dung Phiếu lý lịch tư pháp số 2, cụ thể: “*b) Đối với người đã bị kết án thì ghi đầy đủ án tích đã được xóa, thời điểm được xóa án tích, án tích chưa được xóa, ngày, tháng, năm tuyên án, số bản án, Tòa án đã tuyên bản án, tội danh, điều khoản luật được áp dụng, hình phạt chính, hình phạt bổ sung, quyết định của bản án về biện pháp tư pháp, nghĩa vụ dân sự trong bản án hình sự...*”.

- Về thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp (khoản 18 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 45 Luật Lý lịch tư pháp) và thời hạn cấp Phiếu (khoản 19 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 48 Luật Lý lịch tư pháp)

(1) Luật quy định thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp bằng hình thức trực tuyến là “mặc định” để thể chế hóa chủ trương về phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đây là hình thức phi địa giới hành chính giúp người dân thực hiện thủ tục mọi lúc, mọi nơi. Trường hợp yêu cầu bằng hình thức này, cá nhân sẽ được cấp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử (khoản 19 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 48 Luật Lý lịch tư pháp) qua ứng dụng VNeID và thông tin lý lịch tư pháp được cập nhật, hiển thị trên ứng dụng VNeID có giá trị sử dụng như Phiếu lý lịch tư pháp khi có nhu cầu (cá nhân chỉ phải yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp một lần).

Chỉ một số trường hợp là người nước ngoài, người chưa có định danh điện tử thì có thể yêu cầu cấp Phiếu bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính. Đối với trường hợp yêu cầu qua dịch vụ bưu chính thì gửi hồ sơ kèm chứng thực chữ ký của người yêu cầu theo quy định của pháp luật. Trường hợp yêu cầu trực tiếp thì nộp hồ sơ tại V06 hoặc PV06 Công an tỉnh, thành phố. Cá nhân yêu cầu bằng các hình thức này được cấp Phiếu lý lịch tư pháp bằng bản giấy (khoản 19 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 48 Luật Lý lịch tư pháp).

(2) Đối với các trường hợp ủy quyền

Cá nhân có thể ủy quyền cho người khác làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu (đối với cả 02 loại Phiếu) nhằm tạo điều kiện tối đa cho người dân và được thực hiện trực tiếp, bưu chính.

Đối với trường hợp được ủy quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cha, mẹ, vợ, chồng, con của mình hoặc người mà mình giám hộ có thể được thực hiện bằng hình thức trực tuyến, trực tiếp hoặc qua bưu chính.

(3) Thời hạn cấp Phiếu giảm xuống là 05 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp có thể kéo dài hơn nhưng không quá 15 ngày.

- Về một số nội dung cơ bản khác

Luật sửa đổi, bổ sung quy định về nguồn thông tin lý lịch tư pháp (khoản 8 và khoản 14 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 15 và Điều 37 Luật Lý lịch tư pháp) bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật (Bộ luật Hình sự, Bộ luật tố tụng Hình sự, Luật Thi hành án hình sự, Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân, Luật Phá sản, Luật Dẫn độ, Luật chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù) và việc cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin về hành vi phạm tội mới của người đã bị kết án và cập nhật thông tin trong trường hợp người bị kết án được xóa án tích để phù hợp với quy định của Bộ luật Hình sự (Khoản 13 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 33 Luật Lý lịch tư pháp).

3. Những quy định được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ

- Những quy định được sửa đổi, bổ sung, thay thế

(1) Sửa đổi theo hướng quy định có tính “định khung” về yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp; việc sử dụng Phiếu lý lịch tư pháp, thông tin lý lịch tư pháp và “nguyên tắc” trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có quy định liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp để phù hợp với chủ trương của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và đáp ứng nhu cầu quản lý nhà nước cần biết về thông tin lý lịch tư pháp của các cơ quan, tổ chức nhà nước hiện nay.

(2) Sửa đổi mô hình Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp từ 02 cấp phân tán, chưa tập trung sang mô hình Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp một cấp tập trung, thống nhất; đồng thời sửa đổi quy định về việc tiếp nhận, cập nhật thông tin lý lịch tư pháp cho phù hợp với mô hình Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp một cấp và chức năng, nhiệm vụ của Bộ Công an. Bổ sung quy định Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp liên thông, đồng bộ với

hệ thống dữ liệu quốc gia về dân cư và kết nối, chia sẻ với các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác và các tiêu chuẩn của Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

(3) Sửa đổi theo hướng cụ thể là “*Tòa án quân sự Trung ương*” có nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành về án tích của người bị Tòa án quân sự kết án và cung cấp thông tin lý lịch tư pháp cho Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an bảo đảm Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được tập trung, thống nhất.

(4) Sửa đổi, bổ sung quy định cơ quan, tổ chức không được yêu cầu cá nhân cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 và quy định việc sử dụng Phiếu lý lịch tư pháp nhằm khắc phục tình trạng lạm dụng Phiếu lý lịch tư pháp số 2 và phù hợp với quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

(5) Sửa đổi tên một số nguồn thông tin lý lịch tư pháp và bổ sung một số quy định liên quan đến nguồn thông tin lý lịch tư pháp theo quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Thi hành án hình sự hiện nay, Luật Thi hành án dân sự, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú, Luật Phá sản nhằm đảm bảo thống nhất với hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung.

(6) Bổ sung trách nhiệm của cơ quan điều tra, cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát trong việc cung cấp thông tin về hành vi phạm tội mới là các thông tin liên quan đến khởi tố, điều tra, truy tố của người đã có Lý lịch tư pháp cho Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an, Công an cấp tỉnh.

(7) Để phù hợp với mối quan hệ phối hợp công tác liên thông trao đổi kết nối thông tin giữa các cơ quan nhà nước, Luật đã bổ sung quy định cung cấp thông tin lý lịch tư pháp cho cơ quan, tổ chức thay cho Phiếu lý lịch tư pháp.

- Những nội dung lược bỏ:

(1) Để phù hợp với cơ cấu tổ chức của Bộ Công an, Luật bãi bỏ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước tại địa phương của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; bãi bỏ quy định về “Giấy chứng nhận đương nhiên xóa án tích” và việc xử lý thông tin này để phù hợp với quy định của Bộ luật Hình sự.

(2) Hợp nhất các quy định về nhiệm vụ của cơ quan Công an trong việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích tại một điều luật (Điều 18 Luật Lý lịch tư pháp); đồng thời bãi bỏ Điều 21 Luật Lý lịch tư pháp.

(3) Hợp nhất quy định về nhiệm vụ của Cục Hồ sơ nghiệp vụ và Công an cấp tỉnh trong việc xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại một điều luật; đồng thời bãi bỏ Điều 13 Luật Lý lịch tư pháp.

(4) Hợp nhất quy định về nhiệm vụ của Cục Hồ sơ nghiệp vụ và Công an cấp tỉnh trong việc tiếp nhận, cung cấp thông tin về án tích tại một điều luật; đồng thời bãi bỏ Điều 23 Luật Lý lịch tư pháp.

(5) Hợp nhất quy định về thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 và thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 tại một điều luật, đồng thời bãi bỏ Điều 46 Luật Lý lịch tư pháp.

- Các điều kiện đảm bảo thực hiện

(1) Kinh phí xây dựng và triển khai thi hành Luật thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

(2) Nguồn nhân lực bảo đảm là đội ngũ cán bộ, chiến sỹ Công an nhân dân hiện đang được giao thực hiện công tác quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp, thực hiện dịch vụ công cấp Phiếu lý lịch tư pháp thuộc biên chế trong Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an và Công an tỉnh, thành phố, không làm tăng tổ chức bộ máy và biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- Dự báo tác động chính sách đến người dân và xã hội, những vấn đề người dân cần lưu ý

(1) Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được yêu cầu cá nhân cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 và không được yêu cầu cá nhân cung cấp thông tin lý lịch tư pháp hoặc Phiếu lý lịch tư pháp số 1, trừ trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc nghị định, nghị quyết của Chính phủ quy định cần sử dụng thông tin lý lịch tư pháp để phục vụ mục đích tuyển dụng, cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đối với các ngành nghề, vị trí việc làm có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, sức khỏe của cộng đồng hoặc để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính

đáng của cá nhân khi tham gia các giao dịch dân sự, thương mại liên quan trực tiếp đến các đối tượng yếu thế trong xã hội.

(2) Phiếu lý lịch tư pháp số 1 và Phiếu lý lịch tư pháp số 2 được cấp cho cá nhân dưới dạng bản điện tử hoặc bản giấy và có giá trị pháp lý như nhau.

(3) Luật quy định thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp bằng hình thức trực tuyến là “mặc định”. Cá nhân yêu cầu bằng hình thức này sẽ được cấp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử qua ứng dụng VNeID và thông tin lý lịch tư pháp được cập nhật, hiển thị trên ứng dụng VNeID có giá trị sử dụng như Phiếu lý lịch tư pháp khi có nhu cầu (cá nhân chỉ phải yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp một lần). Thông tin lý lịch tư pháp hiển thị trên VNeID được áp dụng kỹ thuật công nghệ bảo mật, Phiếu điện tử được áp dụng cơ chế xác thực để bảo mật, chống làm giả. Cá nhân sử dụng thông tin lý lịch tư pháp hiển thị trên VNeID không phải nộp phí cung cấp thông tin.

(4) Chỉ một số trường hợp là người nước ngoài, người chưa có định danh điện tử thì có thể yêu cầu cấp Phiếu bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính. Đối với trường hợp yêu cầu qua dịch vụ bưu chính thì gửi hồ sơ kèm chứng thực chữ ký của người yêu cầu theo quy định của pháp luật. Trường hợp yêu cầu trực tiếp thì nộp hồ sơ tại V06 hoặc PV06 Công an tỉnh, thành phố. Cá nhân yêu cầu bằng các hình thức này được cấp Phiếu lý lịch tư pháp bằng bản giấy.

(5) Các trường hợp ủy quyền

Cá nhân có thể ủy quyền cho người khác làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu (đối với cả 02 loại Phiếu) được thực hiện trực tiếp, bưu chính. Đối với trường hợp được ủy quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cha, mẹ, vợ, chồng, con của mình hoặc người mà mình giám hộ có thể được thực hiện bằng hình thức trực tuyến, trực tiếp hoặc qua bưu chính.

(6) Thời hạn cấp Phiếu là 05 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp có thể kéo dài hơn nhưng không quá 15 ngày.
